Tác động của quan hệ xã hội đến sinh kế của người Hmông, Khơ-mú khu vực biên giới huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An[1]

Phạm Quang Minh[(*)]
Nguyễn Ngọc Thanh[(**)]

Tóm tắt: *Khu vực biên giới huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An có 5 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Hmông và Khơ-mú chiếm số lượng dân số lớn hơn so với các dân tộc khác, có mối quan hệ với người đồng tộc hoặc khác tộc ở quốc gia khác có chung và không chung đường biên giới. Đặc biệt, quan hệ hôn nhân, gia đình và dòng họ mang nhiều nét đặc trưng, nhất là các mối quan hệ tộc người. Trong bối cảnh hiện nay, các mối quan hệ này ngày càng được tăng cường, biểu hiện qua hoạt động sinh kế, sinh hoạt xã hội, giao lưu văn hóa..., đã và đang mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho hộ gia đình, làm thay đổi cơ cấu kinh tế, giúp bảo tồn văn hóa tộc người.*

Từ khóa: Quan hệ xã hội, Sinh kế, Hôn nhân và gia đình, Quan hệ tộc người, Người Hmông, Người Khơ-mú, Tỉnh Nghệ An

Abstract: *Out of five ethnic groups residing in the border area of Ky Son district, Nghe An province, the Hmong and Khmu account for a larger proportion of the total population than the rest. They also have relationship with people of the same or different ethnic groups in other countries with and without a border with Vietnam. In particular, unique features in terms of their marriage, family and lineage relationships, as well as ethnic relationships, which are increasingly strengthened, expressed through means of earning a living, social activities, cultural exchanges, etc., have been bringing significant income to local households, transforming the economic structure, and contributing to the preservation of ethnic cultures.*

Keywords: Social Relations, Livelihood, Marriage and Family, Ethnic Relations, Hmong Ethnic Group, Khmu Ethnic Group, Nghe An Province
Ngày nhận bài: 30/6/2025; Ngày duyệt đăng: 15/7/2025

---

[1] Tư liệu bài viết này được các tác giả thu thập bằng phương pháp điền dã dân tộc học vào năm 2023, khi Kỳ Sơn đang là đơn vị hành chính cấp huyện. Từ ngày 01/7/2025, chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động theo Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương, được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025. Theo đó, huyện Kỳ Sơn giải thể, từ 01 thị trấn và 20 xã sáp nhập thành 12 xã, gồm: Mường Xén, Mường Típ, Nậm Cắn, Chiêu Lưu, Hữu Kiệm, Na Loi, Keng Đu, Huổi Tụ, Mường Lống, Bắc Lý, Mỹ Lý, Na Ngoi.

[(*)] ThS., Học viện Dân tộc; Email: minhpq@hvdt.edu.vn
[(**)] PGS.TS., Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam; Email: thanhvdth@gmail.com

1. Mở đầu

Quan hệ xã hội là những quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tổ chức được hình thành trong quá trình hoạt động xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật, tư tưởng, đạo đức…, mang tính ổn định, bền vững của các chủ thể hành động. Các quan hệ này được hình thành từ những tương tác xã hội ổn định, có tính lặp lại... Bên cạnh đó, các tương tác này còn có thể mang những đặc trưng khác nữa, và qua đó tạo ra các loại quan hệ xã hội khác nhau.

Khu vực biên giới Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An có điều kiện đặc biệt khó khăn, địa hình hiểm trở, kinh tế - xã hội phát triển còn chậm. Kỳ Sơn cũng có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Là vùng đầu nguồn rộng lớn và phòng hộ đặc biệt xung yếu của sông Lam, địa bàn sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, nên Kỳ Sơn có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia. Trong quá trình phát triển của khu vực biên giới này, ngoài sự nhạy cảm về mặt kinh tế còn có sự phức tạp về mặt tộc người, văn hóa, xã hội. Theo đó, các mối quan hệ xã hội đã và đang có nhiều tác động đến sinh kế của người Hmông, Khơ-mú ở địa bàn này.

2. Tác động của quan hệ hôn nhân và gia đình đến sinh kế

Trong hôn nhân, người Hmông quan niệm lấy vợ, lấy chồng là có thêm lao động cho gia đình, sinh con để duy trì nòi giống và có chỗ nương tựa lúc tuổi già; hôn nhân còn giúp nâng cao uy tín và thế lực cho dòng họ. Tuổi kết hôn của người Hmông tương đối sớm, đối với con trai thường ở độ tuổi từ 13-15 và nữ thường ở độ tuổi từ 15-17, cũng vì lý do tăng thêm sức lao động, nên nhiều cặp vợ chồng tuổi của chồng ít hơn nhiều so với tuổi của vợ.

Ở người Khơ-mú, trong xã hội truyền thống, việc người con trai kết hôn với con gái bên cậu là bắt buộc và trở thành luật tục. Hiện nay, nam nữ đã được tự do tiến tới hôn nhân. Trong một nghiên cứu năm 2013, 47% số hộ đã có con trai kết hôn tự do thay vì với con gái bên cậu. Nhưng hôn nhân còn mang tính khép kín ở các làng Khơ-mú. Tại các hộ được khảo sát, có tới 68,8% số con đã lập gia đình kết hôn với người cùng bản. Độ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là phổ biến nhưng số tảo hôn trong độ tuổi từ 15-18 vẫn còn khá nhiều (Nguyễn Văn Toàn, 2013: 73).

Bản làng của người Hmông và Khơ-mú phần lớn cư trú ở giáp biên giới Việt - Lào, vì vậy việc kết hôn với người đồng tộc ở bên kia biên giới diễn ra khá phổ biến từ thập niên 1980. Tuy nhiên, kết quả khảo sát điền dã của chúng tôi với người Khơ-mú thuộc xã Tà Cạ và Nậm Cắn cho thấy, hiện tượng hôn nhân xuyên biên giới ở tộc người này có diễn ra nhưng không phổ biến như người Hmông.

Thực tế cho thấy, nam thanh niên Hmông ở khu vực biên giới Kỳ Sơn nói chung, ở Nậm Cắn nói riêng có thể tự do tìm hiểu bạn đời tại các xã lân cận hoặc bên nước Lào, thậm chí đi tìm bạn đời ở các bản làng xa xôi của huyện Nọng Hét, tỉnh Xiêng Khoảng, Lào. Theo quan niệm truyền thống của người Hmông, mối quan hệ đồng tộc không phụ thuộc vào khoảng cách địa lý và biên giới quốc gia.

Hôn nhân qua biên giới ở người Hmông là một trong những nhân tố gắn kết mối quan hệ thông gia giữa hai gia đình và trở thành mạng lưới xã hội trong việc buôn

bán, trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế gia đình…

Hiện tượng kết hôn sớm ở Nậm Cắn cũng khá phổ biến, đặc biệt ở lứa tuổi từ 13-15, hiện nay phổ biến ở nhóm tuổi từ 17-19 đối với nữ và 18-20 đối với nam. Tập quán tảo hôn đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập của trẻ em đang độ tuổi đến trường, đặc biệt là đối với trẻ em gái.

Khảo sát năm 2023 của chúng tôi cho thấy, ở người Hmông và người Khơ-mú khu vực biên giới Kỳ Sơn, gia đình nhỏ hai thế hệ chiếm tỷ lệ cao. Việc tách thành các gia đình nhỏ hiện nay đang trở nên phổ biến. Đặc biệt, dưới tác động của một số chính sách của Nhà nước về xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội, giáo dục và y tế, người dân được hưởng lợi từ các dự án phát triển và chương trình tái định cư, nên xu hướng tách hộ để được thụ hưởng từ các chính sách có xu hướng tăng nhanh vì hầu hết các chính sách an sinh xã hội thường tính theo đơn vị hộ gia đình. Mô hình các gia đình ít con với phương thức phân công lao động thích hợp với điều kiện ruộng đất và phát triển kinh tế sẽ có tác động điều chỉnh chuẩn mực về số con trong các gia đình (Nguyễn Hữu Minh, 1991). Ở cả hai tộc người Hmông và Khơ-mú, xu hướng tách hộ để tăng sở hữu đất đai là một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu hộ gia đình. Nhờ những chính sách cấp đất, vườn cho các cặp vợ chồng ra ở riêng mà quá trình hạt nhân hóa gia đình vốn đã tồn tại từ trước càng được củng cố thêm.

Dưới tác động của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, xu hướng thanh niên từ nông thôn tới các đô thị và khu công nghiệp tìm việc làm, cải thiện thu nhập diễn ra mạnh mẽ trong những năm vừa qua. Điều này đã đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế, giải quyết tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn, thiếu lao động ở các đô thị và khu công nghiệp, đây cũng là một lối thoát nghèo (Đặng Nguyên Anh, 2006). Có thể nói, những thành viên trong gia đình di cư tới những thị trường lao động khác biệt về mặt địa lý là một biểu hiện cho chiến lược đa dạng hóa và làm giảm những rủi ro cho thu nhập của hộ gia đình. Sự phân tán về mặt địa lý và chuyển đổi của những cơ hội kinh tế không chỉ ảnh hưởng đến quan hệ giữa các thế hệ mà còn tạo ra những dạng đặc biệt của gia đình (gia đình chỉ có hai vợ chồng, gia đình chỉ có một người)…

3. Quan hệ dòng họ

Ở khu vực biên giới Kỳ Sơn, Nghệ An, người Hmông có các dòng họ: Lý, Sồng (Sùng), Vừ, Hờ Giang (Già), Vàng (Và), Lầu, Cừ, Lù, Thảo (Thò), Mùa, Hạng (Hạ). Các dòng họ trên phân bố ở nhiều bản khác nhau, nhưng ở mỗi bản đều có một hoặc hai dòng họ chiếm số đông.

Tư liệu điền dã của chúng tôi cho thấy, giữa các thành viên trong dòng họ có những mối quan hệ nhất định về kinh tế. Trong xã hội truyền thống, rừng núi, khe suối thuộc quyền quản lý của từng dòng họ. Mỗi thành viên đều được tự do phát rẫy làm nương, hái lượm, khai thác lâm thổ sản. Người dòng họ khác muốn làm nương phải hỏi ý kiến và được sự đồng ý của dòng họ quản lý khu rừng đó. Đến mùa làm rẫy, trưởng họ cùng một số người có kinh nghiệm - thường là các chủ gia đình - đi chọn đất. Chọn được ngày tốt, cả dòng họ tổ chức phát rẫy chung. Số rẫy phát được đem phân chia cho từng gia đình, không căn cứ vào số lao động tham gia phát mà dựa vào số nhân khẩu của

từng gia đình. Tính cộng đồng của dòng họ còn thể hiện cả trong việc tổ chức săn bắn. Đội săn của dòng họ chủ yếu là các thành viên nam, do một người giàu kinh nghiệm chỉ huy.

Sự thống nhất về mặt xã hội của dòng họ ở người Hmông thể hiện rõ nét trong cư trú. Trước đây, mỗi dòng họ thường cư trú trong một phạm vi đất đai nhất định, do trưởng họ và chủ các gia đình có công khai phá. Dòng họ nào có công lập bản thường có nhiều quyền lợi hơn các dòng họ khác đến sau, chẳng hạn như được cử giữ chức "*chư dò*" (trưởng làng), được chủ trì lễ cúng thổ thần...

Hiện nay, theo tư liệu điền dã của chúng tôi, hiện tượng một bản chỉ có một dòng họ cư trú vẫn còn ở một số nơi, nhưng hình thức cư trú xen kẽ giữa các dòng họ trong một bản vẫn là phổ biến, và các gia đình cùng một dòng họ hay chi họ thường ở thành từng chòm, từng cụm gần nhau tạo thành một phần của bản. Điều này được phản ánh rõ qua thành phần xã hội ở các xã Mường Lống, Nậm Cắn, Sơn Hà,… Nhưng mặt khác, các gia đình trong cùng một dòng họ cũng có thể cư trú ở nhiều vùng, nhiều nơi không chỉ trong phạm vi huyện Kỳ Sơn mà ở cả các huyện khác, tỉnh khác, thậm chí cư trú ở các quốc gia khác. Mặc dù các thành viên cùng dòng họ không nhất thiết phải cư trú gần nhau nhưng giữa họ luôn có mối quan hệ rất chặt chẽ, khi gặp nhau đều coi là người nhà, có thể ốm đau hoặc chết tại nhà của người cùng dòng họ. Người Hmông quan niệm, các thành viên trong dòng họ đều là anh em cùng tổ tiên, "cùng ma", lại cư trú gần nhau nên phải có bổn phận yêu thương đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau khi có các công việc lớn hệ trọng (làm nhà mới, cưới xin, tang ma, hay những lúc gặp khó khăn như bệnh tật, ốm đau, thiếu thốn lương thực)… Chẳng hạn, làm nhà mới là công việc của từng gia đình nhưng mỗi thành viên trong dòng họ đều quan tâm giúp đỡ. Khi gia đình nào dự định làm nhà, trưởng họ kiểm tra kỹ lưỡng số vật liệu xem gia đình đó đã chuẩn bị đến đâu, nếu còn thiếu thì phân bổ cho các gia đình khác trong họ lo liệu giúp. Việc cưới xin của một thành viên cũng được coi là công việc chung của cả dòng họ. Mỗi gia đình khi dựng vợ gả chồng cho con cái nhất thiết đều phải hỏi ý kiến của dòng họ, đặc biệt là trưởng họ. Trường hợp một gia đình có việc tang, cả dòng họ cùng đứng ra lo liệu. Nếu gia đình đó quá nghèo thì dòng họ phải chung nhau đóng góp gạo, rượu, thịt để làm ma cho người chết. Dòng họ nào không tổ chức đám tang theo đúng nghi lễ của dòng họ mình sẽ bị dư luận xã hội, dân bản chê cười.

Mối liên hệ và tính cố kết về tư tưởng, tín ngưỡng và ma chay của các thành viên trong từng dòng họ được phản ánh rõ nét qua lễ đuổi tà ma (*sâu su* và *thi su*).

Khác với lễ cúng ma bản, người Hmông chỉ tiến hành lễ *sâu su* trong phạm vi của từng dòng họ. Đây là một nghi lễ lớn của dòng họ nên tất cả những người có tên trong phả hệ 7 đời tính theo dòng cha, người trưởng họ có thể đọc tên và biết họ đang ở đâu đều được loan báo về tập trung. Như vậy, họ nhỏ cũng vài chục người, họ lớn phải tới vài trăm người, tập trung khá đông; các gia đình cùng huyết thống trong bản của trưởng họ đều coi bà con từ phương xa đến như anh em ruột thịt của mình (Nhiều tác giả, 1995: 274-276). Đến nay, phong tục *sâu su* và *thi su* ở người Hmông vẫn còn giữ nguyên.

Đối với người Khơ-mú, dòng họ gọi là "*tak*". Ở phạm vi rộng, *tak* gồm tất cả những người cùng mang một tên họ, cùng chung tín ngưỡng kiêng kỵ một vật tổ (tô tem) là động vật hay thực vật kèm theo một huyền thoại giải thích về tô tem. Trong phạm vi hẹp, *tak* bao gồm những người tính theo phụ hệ 3-4 đời, có những "ký hiệu" riêng trong tín ngưỡng thờ cúng ma nhà, thực chất là các chi họ.

Tổ chức và quan hệ dòng họ của người Khơ-mú tương đối lỏng lẻo. Các dòng họ không có trưởng họ, không có các nghi lễ chung của dòng họ mà chỉ có một nghi lễ thống nhất trong dịp thờ ma nhà (*hrôi gang*). Từ năm 2010, theo chủ trương của cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới*", chính quyền và ban quản lý các bản đã chú ý phát huy quan hệ dòng họ ở người Khơ-mú và bầu ra các trưởng họ. Theo người dân, từ khi dòng họ được tổ chức lại, việc chấp hành các quy ước làng bản, chủ trương chính sách và quan hệ dòng họ tốt hơn.

Khảo sát năm 2023 của chúng tôi cho thấy, các bản làng định cư của người Khơ-mú có sự đa dạng hơn trước về dòng họ. Ở xã Tà Cạ, bản Na Nhu có 7 dòng họ, bản Bình Sơn 1 có 5 dòng họ; trong đó, các họ Moong, Hoa (Pha) là những họ lớn, chiếm hơn 50% số hộ mỗi bản.

Trong bản, các gia đình cùng dòng họ thường cư trú xen kẽ thay vì theo cụm như trước. Các hộ gia đình cư trú cận kề thường xuyên giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống. Việc ăn uống vào các dịp lễ tết được tiến hành luân phiên ở các gia đình. Khi có đám ma, đám cưới, cả bản đến chia sẻ công việc, giúp đỡ tiền và rượu. Tuy nhiên, về sự trợ giúp cộng đồng, trước đây người ta thường cho nhau, nhưng gần đây người ta phải trả bằng công lao động hoặc tiền mặt (Nguyễn Văn Toàn, 2013: 74). Mối quan hệ dòng họ ở hai tộc người mặc dù khác nhau, nhưng có một đặc điểm chung là khi ra khỏi bản/làng, đi làm xa trong hoặc ngoài tỉnh thì các thành viên cùng dòng họ thường đi với nhau theo từng tốp từ 5 đến 6 người để hỗ trợ nhau tìm việc làm và giúp đỡ nhau trong đời sống hằng ngày, nhất là những lúc ốm đau, bệnh tật.

4. Các mối quan hệ tộc người

Quan hệ tộc người hay còn được gọi là quan hệ dân tộc được hiểu là các mối quan hệ về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, địa bàn cư trú, quản lý và sử dụng tài nguyên,... Ở khu vực biên giới huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, các mối quan hệ này diễn ra trong nội bộ từng dân tộc, giữa các tộc người thiểu số (còn gọi là dân tộc thiểu số) với nhau, giữa các dân tộc thiểu số và dân tộc đa số, giữa các tộc người với quốc gia dân tộc. Các mối quan hệ dân tộc này diễn ra ở nhiều cấp độ, có thể được thực hiện một cách tự nhiên nhưng cũng chịu sự chi phối mạnh mẽ của những yếu tố khác trong nội bộ dân tộc, trong vùng, trong phạm vi đất nước, khu vực và quốc tế. Quan hệ tộc người có ảnh hưởng quan trọng đến sự ổn định và phát triển bền vững của các dân tộc, của quốc gia và có thể trong một khu vực nhất định, tùy thuộc vào từng mối quan hệ, các dân tộc và quốc gia liên quan (Nguyễn Ngọc Thanh, Phạm Quang Linh, 2021: 412). Dưới đây là một số khía cạnh của quan hệ dân tộc ở địa bàn nghiên cứu.

4.1. Quan hệ nội bộ tộc người

Từ đầu những năm 2000 trở lại đây, với sự phát triển của kinh tế - xã hội, quan

hệ tộc người trong nội bộ các tộc người ở huyện Kỳ Sơn có những thay đổi đáng kể, xuất hiện thêm nhiều hình thức và cách thức quan hệ mới thể hiện qua các hoạt động sinh kế, quản lý cộng đồng và sinh hoạt văn hóa... Nếu trước đây, trong xã hội truyền thống, các mối quan hệ trong các cộng đồng đồng tộc thường diễn ra theo tập quán cổ truyền, dưới hình thức tương trợ lẫn nhau trong trồng trọt, chăn nuôi, làm nhà, cưới xin, tang ma…, thì hiện nay phần lớn các quan hệ đó đang biến đổi dần, từng bước giảm thiểu sự ràng buộc vào nhau, giảm dần tập quán chỉ biết trông chờ vào sự giúp đỡ từ những người đồng tộc hoặc họ hàng huyết thống. Những biến đổi đó đã và đang góp phần giúp các tộc người thiểu số ở huyện Kỳ Sơn có cơ hội tăng cường quan hệ với nhau hơn để có thể cùng hội nhập trong các hoạt động phát triển kinh tế, nâng cao năng lực quản lý xã hội. Chỉ những quan hệ mang tính huyết thống, có liên quan đến tập quán xã hội hoặc yếu tố tâm linh tộc người mới tồn tại ở những mức độ khác nhau tùy theo đặc điểm văn hóa mỗi dân tộc và địa bàn cư trú thuộc vùng thấp, nơi đã và đang diễn ra quá trình đô thị hóa, hay ở vùng sâu, vùng xa biên giới Việt - Lào.

Nghiên cứu thực tiễn của chúng tôi cho thấy, hầu hết các mối quan hệ liên quan đến hoạt động kinh tế giữa các hộ gia đình trong cộng đồng hoặc giữa các cộng đồng tộc người Kho-mú, Hmông, Thái đều đã và đang chịu tác động của cơ chế thị trường... Mức độ thị trường hóa các quan hệ diễn ra càng thêm sâu rộng đối với các cộng đồng đồng tộc sinh sống ở những địa phương thuộc các thị tứ, trung tâm các xã hoặc nơi thuận tiện đường giao thông, có điều kiện phát triển một số dịch vụ trao đổi hoặc sản xuất hàng hóa. Trong đó, có các cộng đồng người Thái, Hmông, Kho-mú sinh sống dọc theo các trục quốc lộ 7, cửa khẩu Nậm Cắn...

Nhìn chung, các mối quan hệ dân tộc trong nội bộ tộc người theo cơ chế thị trường đang từng bước mở rộng và sẽ trở thành xu hướng chính đối với hầu hết các cộng đồng tộc người. Đây là một trong những điểm mới trong quan hệ dân tộc, là động lực quan trọng thúc đẩy mỗi cộng đồng tộc người từng bước thay đổi dần các quan hệ mang tính cổ truyền như đổi công cho nhau, vay mượn không lấy lãi, làm giúp luân phiên, sống dựa vào nhau theo tập quán tương trợ... (Nguyễn Ngọc Thanh, 2011: 31). Như vậy, sự xuất hiện và ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của các quan hệ mới theo cơ chế thị trường đã và đang tạo cơ hội để các tộc người thiểu số ở huyện Kỳ Sơn từng bước hội nhập trong các hoạt động sinh kế, khai thác sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, giao lưu, tiếp thu những kinh nghiệm và đặc điểm văn hóa của nhau. Trong đó, quan trọng hơn là những quan hệ mới này đang làm cho các tộc người thiểu số ngày càng hòa nhập với tộc người Việt trong các lĩnh vực sản xuất, quản lý xã hội, cải thiện đời sống vật chất...

4.2. Quan hệ giữa các tộc người

Dưới sự tác động của cơ chế thị trường, chính sách đất đai và các dự án phát triển của Nhà nước, quan hệ dân tộc giữa các tộc người đang từng bước hội nhập trong nhiều lĩnh vực, nhất là hoạt động kinh tế, cư trú xen kẽ, quản lý và khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên... tạo nên những sự liên kết mới, trong đó người Việt vẫn luôn đóng vai trò chủ đạo trong công tác ổn định

chính trị - xã hội, an ninh quốc phòng. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập, các yếu tố quan hệ giữa các tộc người cũng đã xuất hiện hoặc đang tiềm ẩn nhiều thách thức mới, tác động hai chiều đến sự phát triển kinh tế - xã hội và đại đoàn kết dân tộc trong vùng.

Quan hệ trao đổi các sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi đã và đang chiếm vị trí hàng đầu, tạo cơ hội cho các cộng đồng khác tộc láng giềng liên kết hơn trong các hoạt động kinh tế. Các quan hệ trao đổi này đã và đang phát triển khá sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, góp phần phá vỡ tập quán hoạt động kinh tế tự cung, tự cấp ở các hộ gia đình và các cộng đồng đồng tộc. Tuy nhiên, các quan hệ đó diễn ra trong cộng đồng đồng tộc vẫn còn chậm hơn nhiều so với các cộng đồng khác tộc láng giềng. Việc trao đổi chủ yếu thông qua các dịch vụ ngay tại địa phương hoặc qua tư thương từ nơi khác đến. Chính hoạt động này đã làm cho các hộ gia đình thuộc các tộc người ở vùng sinh thái thấp hơn ngày càng phát huy được tính năng động trong sản xuất, phát triển các nghề thủ công phù hợp nhằm tạo thu nhập nhiều hơn từ trao đổi sản phẩm.

Quan hệ làm thuê giữa các tộc người thiểu số cũng là một trong những quan hệ mới nảy sinh, chủ yếu làm thuê theo thời vụ. Hiện nay, các quan hệ này đã và đang phát triển khá mạnh giữa các cộng đồng khác tộc láng giềng, bất kể ở nơi sinh thái thấp hay cao, kể cả địa bàn biên giới Việt - Lào. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, những hộ gia đình nghèo, thiếu đất sản xuất hoặc thiếu kế hoạch làm ăn thường đi làm thuê. Họ làm thuê cho những hộ gia đình có nhu cầu nhân lực tại các thôn/bản trong xã hoặc xã khác liền kề với nhiều hình thức như phát rẫy, làm cỏ ngô hoặc lúa, cưa xẻ và vận chuyển gỗ làm nhà, đào ao cá, thu hoạch ngô lúa, làm đường cho xe máy đi lại...

Việc gia tăng tình trạng làm thuê trong bối cảnh hiện nay cũng đã góp phần tạo ra những mối quan hệ mới giữa các tộc người trong cùng địa phương. Đó là các quan hệ về lao động, việc làm và thu nhập theo cơ chế thị trường. Đây là điều kiện tốt để giải quyết thời gian nông nhàn ngày càng tăng của các hộ gia đình do thiếu đất canh tác. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn là giúp các tộc người cùng phát triển kinh tế, thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và một số ngành nghề thủ công truyền thống phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực và thị trường ở từng địa phương.

4.3. Quan hệ dân tộc giữa các tộc người ở hai bên biên giới Việt - Lào

Quan hệ dân tộc qua biên giới Việt - Lào diễn ra chủ yếu ở người Hmông, Thái, Khơ-mú - là những tộc người có nhiều đồng tộc sinh sống ở bên kia biên giới. Bởi vậy, ngoài các quan hệ trao đổi, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trao đổi hôn nhân, thăm viếng trong các dịp lễ và tết..., họ còn có các quan hệ về nguồn gốc lịch sử, họ hàng huyết thống và đồng tộc láng giềng.

5. Kết luận

Các dân tộc Hmông, Khơ-mú ở Kỳ Sơn cư trú chủ yếu ở vùng núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, những địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng cả về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Thông qua tư liệu điền dã, đồng thời phân tích và tổng hợp một số tài liệu nghiên cứu liên quan, có thể thấy quan hệ hôn nhân và gia đình, tổ chức dòng họ đã tác động đến sinh kế

của hai tộc người này tại địa bàn cư trú. Có ba mối quan hệ gồm quan hệ nội bộ tộc người, quan hệ giữa các tộc người với nhau, quan hệ giữa các tộc người ở hai bên biên giới Việt - Lào đã và đang ảnh hưởng sâu sắc đến sinh kế của các tộc người ở khu vực biên giới huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An nói chung, người Hmông và Khơ-mú nói riêng ❑

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh (2006), "Biến đổi dân số trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa", *Tạp chí Xã hội học*, số 3, tr. 39-50.
2. Trần Thị Minh Giang (2016), *Hôn nhân xuyên biên giới của tộc người Hmông tại xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An*, Luận văn Thạc sĩ Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội.
3. Đặng Thị Hoa (2016), *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Minh (1991), "Biến đổi kinh tế - xã hội và khả năng giảm chuẩn mức số con trong các gia đình nông dân Bắc Bộ", *Tạp chí Xã hội học*, số 4, tr. 25-32.
5. Nhiều tác giả (1995), *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn, Nghệ An*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kỳ Sơn (2022), *Báo cáo Kết quả thực hiện thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2022 và kế hoạch năm 2023.*
7. Nguyễn Ngọc Thanh (2011), *Những vấn đề cơ bản của các dân tộc vùng Tây Thanh - Nghệ*, Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học.
8. Nguyễn Ngọc Thanh, Phạm Quang Linh (2021), "Thực trạng các mối quan hệ tộc người ở khu vực Tây Duyên hải miền Trung", trong: *Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Toàn (2013), *Định canh, định cư ở người Khơ-mú và người Hmông, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An*, Luận án Tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.